

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2023/DS-PT

Ngày: 13-12-2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hà Nam

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Anh Dũng

Ông Nguyễn Đức Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Vào ngày 13 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2023/QĐST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị V, sinh năm 1984; Địa chỉ cư trú: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1966; nơi đăng ký thường trú: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Tổng công ty cổ phần B. Địa chỉ trụ sở: Số 95 đường Trần Thái Tông, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị Y – Chức vụ: Quyền Tổng giám đốc; người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hồ Đình Q (Theo Giấy uỷ quyền số 1024/GUQ-PTI ngày 01-12-2023). Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 08-11-2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (chị Lê Thị V) là bà Hoàng Thị T trình bày:

Chị Lê Thị V mua bảo hiểm thông qua hình thức đơn bảo hiểm điện tử với Công ty B Nam Định là đơn vị trực thuộc của Tổng công ty cổ phần B. Gói bảo hiểm thuộc chương trình “PTI VỮNG TÂM AN +”, được thực hiện theo Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN của Tổng công ty cổ phần B.

Toàn bộ thủ tục đăng ký mua bảo hiểm, nộp phí bảo hiểm, cấp giấy chứng nhận bảo hiểm của chị V đều được thực hiện online trên hệ thống phần mềm của Tổng công ty cổ phần B. Chị Lê Thị V đã được cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000386/GCN/040-KTTT/VT-A-PLUS/2022 ngày 15-02-2022. Giấy chứng nhận bảo hiểm có các nội dung cụ thể như sau:

- Người mua bảo hiểm là chị Lê Thị V; người được bảo hiểm là chị Lê Thị V.

- Thời hạn bảo hiểm là 12 tháng, tính từ ngày 16-02-2022 đến ngày 16-02-2023.

- Phí bảo hiểm là 790.000 đồng. Phí bảo hiểm đã được chị Lê Thị V đóng toàn bộ một lần vào ngày 15-02-2022.

- Quyền lợi bảo hiểm: Người được bảo hiểm được hưởng quỹ trợ cấp nằm viện điều trị dịch bệnh tại các cơ sở y tế khi người được bảo hiểm nhập viện sau 03 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm là 12.000.000 đồng. Đối với người được bảo hiểm đã tiêm chủng phòng ngừa dịch bệnh thì quỹ trợ cấp này tăng gấp đôi, tức là sẽ được hưởng 24.000.000 đồng.

Chị Lê Thị V đã được tiêm chủng phòng ngừa bệnh Covid-19 mũi 3 vào ngày 10-01-2022 tại Trạm Y tế xã Thái Hòa, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Đến ngày 06-3-2022 thì chị Lê Thị V được xác định bị mắc bệnh Covid-19 theo Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm PCR của Công ty TNHH T - Phòng khám đa khoa 153. Ngày 06-3-2022, chị Lê Thị V được đưa vào điều trị tại “Cơ sở thu dung điều trị Covid-19 thuộc Trung tâm Y tế huyện H - Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang” để điều trị bệnh Covid-19. Đến ngày 13-3-2022 chị V được ra viện.

Sau khi sự kiện bảo hiểm xảy ra, chị Lê Thị V đã làm thủ tục thông báo việc bản thân bị mắc bệnh Covid-19 và phải điều trị tại cơ sở y tế cho Tổng công ty cổ phần B. Các giấy yêu cầu bảo hiểm, chứng từ điều trị của chị V đã được chụp ảnh và cập nhật trên hệ thống phần mềm của Tổng công ty cổ phần B ngay trong tháng 3/2022. Ngoài việc khai báo online, chị Lê Thị V còn gửi bộ hồ sơ gốc yêu cầu bảo hiểm và chứng từ điều trị cho Tổng công ty cổ phần B theo đường bưu chính.

Ngày 10-5-2022, Tổng công ty cổ phần B có thông báo giải quyết quỹ hỗ trợ với mức chi hỗ trợ cho chị Lê Thị V là 12.000.000 đồng. Chị Lê Thị V không đồng ý với mức hỗ trợ nói trên và yêu cầu Tổng công ty cổ phần B phải thực hiện trả tiền bảo hiểm cho chị V là 24.000.000 đồng với lý do theo Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000386/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 15-02-2022 và Phụ lục tại trang 2 thì trường hợp của chị V đã thỏa mãn tất cả các điều kiện của hợp đồng bảo hiểm. Cụ thể là chị V đã bị mắc bệnh Covid-19 sau hơn 03 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm, đã được tiêm chủng phòng ngừa bệnh Covid-19, đã được điều trị tại cơ sở y tế do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập; đồng thời trường hợp của chị Lê Thị V không thuộc bất cứ điểm loại trừ nào theo Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN và Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000386/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 15-02-2022 của Tổng công ty cổ phần B.

Ngoài ra, theo quy định của khoản 3, mục tóm tắt nội dung bảo hiểm của Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000386/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 15-02-2022 thì Tổng công ty cổ phần B phải trả tiền bảo hiểm trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Tổng công ty cổ phần B đã tiếp nhận bộ hồ sơ yêu cầu bồi thường hợp lệ của chị Lê Thị V từ tháng 3/2022 và đến nay vẫn chưa trả tiền bảo hiểm cho chị V. Vì vậy, yêu cầu Tổng công ty cổ phần B phải trả cho chị V số tiền lãi do chậm trả tiền bảo hiểm theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc Tổng công ty cổ phần B phải thực hiện trả tiền bảo hiểm cho trường hợp của chị Lê Thị V là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).
- Buộc Tổng công ty cổ phần B phải trả lãi đối với số tiền bảo hiểm chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 với mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền bảo hiểm chậm trả.
- Rút yêu cầu đề nghị Tòa án phán quyết hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính đối với Tổng công ty cổ phần B do chậm thanh toán tiền bảo hiểm.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Tổng công ty cổ phần B) là ông Hà Minh Tấn trình bày:

Ngày 15-02-2022 chị Lê Thị V mua bảo hiểm thuộc chương trình “PTI VỮNG TÂM AN +”, được thực hiện theo Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN của Tổng công ty cổ phần B. Thủ tục đăng ký mua bảo hiểm, nộp phí bảo hiểm, cấp giấy chứng nhận bảo hiểm cho chị Lê Thị V được thực hiện online trên hệ thống phần mềm của Tổng công ty cổ phần B. Chị Lê Thị V đã được cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000386/GCN/040-KTTT/VTA-

PLUS/2022 ngày 15-02-2022. Thời hạn bảo hiểm đối với chị Lê Thị V là 12 tháng, tính từ ngày 16-02-2022 đến ngày 16-02-2023. Phí bảo hiểm là 790.000 đồng, đã được chị Lê Thị V đóng toàn bộ vào ngày 15-02-2022.

Sau khi chị Lê Thị V bị mắc bệnh Covid-19 và được điều trị tại Cơ sở thu dung điều trị Covid-19 thuộc Trung tâm Y tế huyện H - Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang, chị Lê Thị V đã làm thủ tục thông báo trên hệ thống phần mềm của Tổng công ty cổ phần B. Tổng công ty cổ phần B cũng đã nhận được bộ hồ sơ gốc yêu cầu trả tiền bảo hiểm của khách hàng chị Lê Thị V, bao gồm giấy yêu cầu bảo hiểm và các chứng từ điều trị của chị Lê Thị V từ ngày 26-3-2022. Tổng công ty cổ phần B không yêu cầu chị Lê Thị V bổ sung thêm hồ sơ, tài liệu gì khác.

Chị Lê Thị V mắc bệnh Covid-19 là thuộc sự kiện bảo hiểm quy định trong chương trình bảo hiểm “PTI VỮNG TÂM AN +”. Tuy nhiên do chị Lê Thị V bị mắc bệnh Covid-19 sau khi Chính phủ thực hiện chủ trương miễn dịch cộng đồng, số lượng người mắc bệnh Covid-19 rất nhiều. Để giải quyết việc điều trị cho người mắc bệnh Covid-19, Bộ Y tế đã ban hành Quyết định số 5525/QĐ-BYT ngày 01-12-2021 và Quyết định 250/QĐ-BYT ngày 28-01-2022 để phân loại nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế. Theo hướng dẫn của các văn bản trên thì chị Lê Thị V mắc bệnh Covid-19, nhưng không thuộc nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế. Vì vậy trường hợp của chị Lê Thị V là không thuộc trường hợp được trả tiền bảo hiểm. Tổng công ty cổ phần B đã thông báo đồng ý hỗ trợ cho chị Lê Thị V số tiền là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) nhưng chị Lê Thị V không đồng ý.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn không nhất trí với tất cả yêu cầu của nguyên đơn.

Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2023/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đã quyết định: Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, điểm c khoản 2 Điều 17, Điều 22, Điều 29 của Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; điểm c, g khoản 1 Điều 217; Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị V:

- Buộc Tổng công ty cổ phần B phải trả cho chị Lê Thị V số tiền bảo hiểm là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

- Buộc Tổng công ty cổ phần B phải trả cho chị Lê Thị V số tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm 24.000.000 đồng kể từ ngày 09-4-2022 đến hết ngày xét xử sơ thẩm (10-7-2023) là 3.014.000 đồng (ba triệu không trăm mười bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11-7-2023) cho đến khi thi hành án xong, Tổng công ty cổ phần B phải tiếp tục trả lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu đề nghị Tòa án phán quyết hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính đối với Tổng công ty cổ phần B do chậm thanh toán tiền bảo hiểm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 19/7/2023, Tổng công ty cổ phần B làm đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý với toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm và kháng cáo toàn bộ bản án. Chúng tôi sẽ có văn bản trình bày chi tiết lý do kháng cáo và sẽ nộp cho Tòa án cấp phúc thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử đúng qui định của pháp luật bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của chúng tôi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của Tổng công ty cổ phần B, giữ nguyên bản án sơ thẩm; Về án phí đương sự phải nộp theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, Tổng công ty cổ phần B có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận. Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của Tổng công ty cổ phần B:

[2.1] Về tranh chấp bảo hiểm:

[2.1.1] Về việc giao kết hợp đồng: Ngày 15-02-2022 chị Lê Thị V mua bảo hiểm thông qua hình thức đơn bảo hiểm điện tử với Công ty B Nam Định, là đơn vị trực thuộc của Tổng công ty cổ phần B. Sau khi chị V đã đóng đầy đủ phí bảo hiểm, Công ty B Nam Định đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000386/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 15-02-2022. Giấy chứng nhận bảo hiểm và Phụ lục kèm theo có ghi các nội dung cụ thể của hợp đồng bảo hiểm, bao gồm: Người mua bảo hiểm là chị Lê Thị V, người được bảo hiểm là chị Lê Thị V; thời hạn bảo hiểm đối với chị Lê Thị V là 12 tháng, tính từ ngày 16-02-2022 đến ngày 16-02-2023; phí bảo hiểm là 790.000 đồng; quyền lợi bảo hiểm: Người được bảo hiểm được hưởng quỹ trợ cấp nằm viện điều trị dịch bệnh tại các cơ sở y tế khi người được bảo hiểm nhập viện sau 03 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm là 12.000.000 đồng. Đối với người được bảo hiểm đã tiêm chủng phòng ngừa dịch bệnh thì quỹ trợ cấp này tăng gấp đôi, tức là sẽ được hưởng 24.000.000 đồng. Ngoài ra giấy chứng nhận bảo hiểm và phụ lục kèm theo còn có các nội dung về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, thời hạn trả tiền bảo hiểm... Căn cứ Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 22 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) thì hợp đồng bảo hiểm giữa chị Lê Thị V và Tổng công ty cổ phần B là hợp pháp và có hiệu lực thực hiện; trách nhiệm bảo hiểm của Tổng công ty cổ phần B đối với chị Lê Thị V phát sinh từ ngày 16-02-2022 đến ngày 16-02-2023.

[2.1.2] Về sự kiện bảo hiểm: Căn cứ vào Phiếu xét nghiệm PCR ngày 06-3-2022 của Công ty TNHH T - Phòng khám đa khoa 153 thì chị Lê Thị V bị mắc bệnh Covid-19.

Như vậy, chị Lê Thị V đã bị mắc bệnh Covid-19 sau 18 ngày kể từ ngày được bắt đầu bảo hiểm là ngày 16-02-2022. Ngày 22-3-2022, chị Lê Thị V đã được đưa vào Cơ sở thu dung điều trị Covid-19 thuộc Trung tâm Y tế huyện H - Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang; đây là cơ sở y tế hợp pháp được Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang thành lập để điều trị cho các bệnh nhân mắc Covid-19. Các tình tiết trên là cơ sở để xác định sự kiện bảo hiểm được nêu trong Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000386/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 15-02-2022 và phụ lục kèm theo đã xảy ra trong thời hạn bảo hiểm của chị Lê Thị V.

[2.1.3] Về nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm: Căn cứ nhận định tại mục 2.1.2 về việc chị Lê Thị V bị mắc bệnh Covid-19 trong thời hạn bảo hiểm, được điều trị tại cơ sở y tế hợp pháp là sự kiện bảo hiểm được nêu trong Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000386/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 15-02-2022 và phụ lục kèm theo; đồng thời việc chị Lê Thị V bị mắc bệnh Covid-19 không thuộc bất cứ điểm loại trừ nào được ghi trong Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN và Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000386/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 15-02-2022. Vì vậy, căn cứ Điều 16 và điểm c khoản 2 Điều 17 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) thì Tổng

công ty cổ phần B có nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng là chị Lê Thị V theo quy định của hợp đồng bảo hiểm.

Do chị Lê Thị V bị mắc bệnh Covid-19 sau khi đã được tiêm chủng phòng ngừa dịch bệnh Covid-19, vì vậy căn cứ quy định tại phụ lục của Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000386/GCN/040-KTTT/VTÀ-PLUS/2022 ngày 15-02-2022 thì số tiền bảo hiểm cho trường hợp của chị Lê Thị V là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

Vì thế yêu cầu này của chị Lê Thị V có căn cứ chấp nhận, buộc Tổng công ty cổ phần B có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị V số tiền bảo hiểm là 24.000.000 đồng

[2.2] Về nghĩa vụ chậm trả: Căn cứ Điều 29 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và mục 2 chương V Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN, mục 3 phần III Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000386/GCN/040-KTTT/VTÀ-PLUS/2022 ngày 25-02-2022 thì Tổng công ty cổ phần B có nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm trong thời hạn chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Theo xác nhận của người đại diện Tổng công ty cổ phần B thì Tổng công ty cổ phần B đã nhận được bộ hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm của chị Lê Thị V vào ngày 26-3-2022, không yêu cầu chị V phải bổ sung thêm hồ sơ, tài liệu gì khác. Vì vậy, thời hạn cuối cùng mà Tổng công ty cổ phần B phải trả tiền bảo hiểm cho chị V là ngày 08-4-2022. Do Tổng công ty cổ phần B không trả tiền bảo hiểm đúng thời hạn nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Tổng công ty cổ phần B phải trả tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm với mức lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 09-4-2022 cho đến ngày xét xử (10-7-2023) (Cụ thể số tiền chậm trả tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (10-7-2023) là: 24.000.000 đồng x 10%/12 tháng x 15 tháng 02 ngày = 3.014.000 đồng (ba triệu không trăm mười bốn nghìn đồng) (đã làm tròn).

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Tổng công ty cổ phần B phải tiếp tục trả tiền lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị V, buộc Tổng công ty cổ phần B phải trả cho chị V số tiền bảo hiểm là 24.000.000 đồng và số tiền chậm trả là 3.014.000 đồng là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, Tổng công ty cổ phần B không xuất trình được tài liệu chứng cứ mới. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

[5] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên Tổng công ty cổ phần B phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, điểm c khoản 2 Điều 17, Điều 22, Điều 29 của Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; điểm c, g khoản 1 Điều 217; Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Không chấp nhận kháng cáo của Tổng công ty cổ phần B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Tổng công ty cổ phần B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Tổng công ty cổ phần B đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0000274 ngày 24/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nam Định được đối trừ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền Tả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND-TANDTP Nam Định;
- Chi cục THADS TP Nam Định;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hà Nam

